

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HN  
TỈNH BD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2022/DS-ST  
Ngày: 13-4-2022  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN TỈNH BD**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Phong

2. Ông Cao Hữu Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BD.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BD tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961(CM)

Địa chỉ: Thôn KGN, xã HH, thị xã HN, tỉnh BD.

Bị đơn: Chị Dương Thị Trúc H, sinh năm 1981(VM)

Địa chỉ: Khu phố TH, phường TQN Thị xã HN tỉnh BD.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X:

Ngày 04/6/2019 bà X cho chị Dương Thị Trúc H mượn số tiền 50.000.000 đồng, ngày 28/12/2019 tiếp tục cho chị H mượn 25.000.000 đồng. Cả hai lần cho mượn tiền chị H đều viết giấy mượn tiền cho bà. Tổng số tiền nợ là 75.000.000 đồng. Sau đó, nhiều lần bà yêu cầu trả nợ nhưng chị H trốn tránh không trả, chị H hẹn trả mỗi tháng 2.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị H phải hoàn trả cho bà số tiền nợ 75.000.000 đồng. Bà X không yêu cầu chị H trả lãi suất.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2021, chị Dương Thị Trúc H trình bày: Chị H thừa nhận có mượn tiền của bà X, tổng số tiền nợ là 75.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền. Sau đó chị đã trả được 5.000.000 đồng. Hiện nay chị

còn nợ 70.000.000 đồng. Vì khó khăn, chị H không trả được nợ cho bà X. Nay bà X yêu cầu trả nợ chị H đồng ý và xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài lần làm việc ngày 26/11/2021, chị H luôn cố tình trốn tránh, không chấp hành làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa. Tại phiên Tòa hôm nay, chị H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BD: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị H trả cho bà X số tiền 75.000.000 đồng. Về án phí, chị H phải chịu án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại: Khu phố TH, phường TQN, thị xã HN, tỉnh BD, theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BD có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc mượn tiền theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 04/6/2019 với số tiền 50.000.000 đồng, ngày 28/12/2019 với số tiền 25.000.000 đồng là đúng sự thật. Do vậy yêu cầu trả nợ của bà X là có căn cứ. Chị H cho rằng đã trả 5.000.000 đồng cho bà X nhưng không có căn cứ chứng minh, chị H cũng yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng cũng không được bà X đồng ý. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hiện nay chị H còn nợ bà X số tiền 75.000.000 đồng là đúng sự thật. Do vậy, xét chấp nhận yêu cầu của bà X, buộc chị H phải trả cho bà X số tiền 75.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu chị H trả lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu số tiền án phí là 3.750.000 đồng.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án là đúng qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều

463,466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Buộc chị Dương Thị Trúc H phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 75.000.000 đồng( bảy mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà X, không yêu cầu chị H trả lãi suất.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Dương Thị Trúc H phải nộp 3.750.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về tiền tạm ứng án phí: Khi thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị X được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét về tiền tạm ứng án phí.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Vương**